

Số: 08 /KH-THCS

Điện Biên, ngày 15 tháng 8 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Chiến lược phát triển trường THCS xã Noong Luống**  
**Giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến năm 2030**

**A/ MỞ ĐẦU**

Trường THCS xã Noong Luống được thành lập tháng 8 năm 2000 theo Quyết định số 1021/2000/QĐ-UBND ngày 17/8/2000 của UBND huyện Điện Biên trên cơ sở chia tách từ trường PTCS Noong Luống.

Trong những năm qua, nhà trường từng bước được xây dựng và phát triển. Nhà trường đã được sự quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên, Đảng ủy, chính quyền xã Noong Luống. Ngoài ra, còn được sự quan tâm phối hợp của cha mẹ học sinh trong việc giáo dục và xây dựng nhà trường, cùng với tinh thần đoàn kết thống nhất, quyết tâm phấn đấu cho sự nghiệp giáo dục của tập thể hội đồng sư phạm đã đưa nhà trường vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ từng năm học và ngày càng đạt được nhiều thành tích trong dạy và học cũng như các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động.

Tháng 12 năm 2007 lần đầu tiên trường được công nhận trường THCS đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của UBND tỉnh Điện Biên và được công nhận lại Trường THCS đạt chuẩn Quốc gia sau 5 năm vào tháng 5 năm 2014 theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 21/5/2014 của UBND tỉnh Điện Biên. Trường đã được công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3, theo Quyết định số 2217/QĐ-SGDĐT ngày 09/12/2016 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên. Tiếp tục được công nhận lại trường THCS đạt chuẩn Quốc gia lần thứ 3 sau 5 năm vào tháng 12/2018 theo Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên.

Kế hoạch chiến lược của nhà trường giai đoạn 2020- 2026 tầm nhìn 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường về hoạt động của lãnh đạo nhà trường cũng như toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường.

Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của nhà trường là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Việc thực hiện đổi mới giáo dục phổ

thông trong thời gian tới đòi hỏi nhà trường chuẩn bị tốt nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu thay đổi nội dung chương trình sách giáo khoa mới từ năm học 2021-2022.

## I. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

### 1.1. Môi trường bên trong

#### 1.1.1. Học sinh

Tình hình quy mô học sinh năm học 2020-2021.

Khối	Số lớp	Học sinh				Số TB HS/lớp	HS diện chính sách		
		T.số	Nữ	Dân tộc	HS khuyết tật		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Thôn bản ĐBKK
6	3	96	43	60	0	32,0	13	7	8
7	3	88	31	63	0	29,3	22	3	5
8	3	85	41	56	2	28,3	6	6	8
9	3	90	39	54	2	30,3	13	5	2
<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>359</b>	<b>154</b>	<b>233</b>	<b>4</b>	<b>29,9</b>	<b>54</b>	<b>21</b>	<b>23</b>

#### 1.1.2. Đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên.

Năm học 2020-2021 nhà trường có tổng số CB-GV-NV có 31 người, CBGV-NV có trình độ chuẩn là 27/31 (87,1%) trong đó trên chuẩn 1/31 (3,2%), CBGV có trình độ chưa đạt chuẩn 2/26 (7,7%). GBGV-NV được biên chế thành 4 tổ (3 tổ chuyên môn và 1 tổ Văn phòng).

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, có nghiệp vụ tay nghề vững vàng đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Nhân viên văn phòng có nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng được việc đổi mới quản lý hành chính trong nhà trường. Đội ngũ giáo viên nhân viên cụ thể như sau:

#### a. Đội ngũ Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên

Tính đến thời điểm tháng 3 năm 2021.

ST T	Loại hình	T. Số	Trong đó			Trình độ chuyên môn					TĐ LLCT		Độ tuổi					
			Nữ	Dân tộc	Đảng viên	hừa qua DT	Trung Cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Sơ cấp	Tr. Cấp	30 - 34	35 - 39	40 - 44	45 - 49	50 - 55	55 +
	<b>Tổng chung</b>	<b>31</b>	<b>21</b>	<b>5</b>	<b>16</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>25</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>7</b>	<b>15</b>	<b>5</b>		<b>1</b>	
<b>I</b>	<b>Cán bộ QL</b>	<b>2</b>	<b>1</b>		<b>2</b>				<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>			<b>1</b>	<b>1</b>			

ST T	Đơn vị	T. Số	Trong đó			Trình độ chuyên môn					TD LLCT		Độ tuổi					
			Nữ	Dân tộc	Đảng viên	hư qua DT	Trung Cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Sơ cấp	Tr. Cấp	30 - 34	35 - 39	40 - 44	45 - 49	50 - 55	55 +
1	Hiệu trưởng	1			1					1	1			1				
2	Phó H. trưởng	1	1		1				1		1				1			
<b>II</b>	<b>Giáo viên:</b>	<b>24</b>	<b>16</b>	<b>1</b>	<b>13</b>			<b>2</b>	<b>22</b>		<b>1</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>13</b>	<b>3</b>		<b>1</b>	
1	Toán - Lý	5	2		2				5				1	3	1			
2	Văn - Sử - GDCD	6	5		3			1	5		1		1	5				
3	Sinh - Hoá - Địa	6	4	1	4				6				2	3			1	
4	Ngoại ngữ	2	2		2			1	1			1					1	
5	Thể dục	1							1								1	
6	Nhạc	1	1						1						1			
7	Họa	1			1				1				1					
8	Công nghệ																	
9	Tin học	1	1						1					1				
10	Đoàn Đội	1	1		1				1				1					
<b>III</b>	<b>Nhân viên:</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>		<b>2</b>			<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>			
1	Kế toán	1	1						1				1					
2	Văn Thư - T.quỹ	1	1	1				1				1						
3	Thư viện - T.Bị	1	1	1					1			1						
4	Bảo vệ (HD 68)	1		1	1	1								1				
5	Phục vụ (HD 68)	1	1	1		1										1		

### 3. Cơ sở vật chất.

Trường có tổng diện tích 9886,6 m<sup>2</sup>, Gồm khu khuôn viên chính rộng 5986 m<sup>2</sup> và khu sân vận động luyện tập TĐTT 3900 m<sup>2</sup>. Trường nằm tách biệt với khu dân cư đảm bảo vệ sinh, an toàn, thân thiện phục vụ cho hoạt động dạy học, cảnh quan nhà trường xanh, sạch, đẹp;

Cơ sở vật chất nhà trường cơ bản đảm bảo đầy đủ mọi điều kiện cho các kỳ kiểm tra chất lượng học tập và các hội thi trong nhà trường đạt hiệu quả; các phòng phục vụ học tập đầy đủ. Phòng học trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt và đủ cho việc tổ chức học 02 ca/ngày. Cơ sở vật chất nhà trường cụ thể như sau:

- Phòng học thông thường: 12 phòng (48 m<sup>2</sup>/phòng)
- Phòng học bộ môn: 06. Trong đó:
- + Phòng Lý – Công nghệ: 01 phòng 50 m<sup>2</sup>

- + Phòng Âm nhạc: 01 phòng 50 m<sup>2</sup>
- + Phòng Tin học: 01 phòng 50 m<sup>2</sup>
- + Phòng học Ngoại ngữ: 01 phòng 50 m<sup>2</sup>
- + Phòng Hóa: 01 phòng 42 m<sup>2</sup>
- + Phòng Sinh: 01 phòng 42 m<sup>2</sup>
- Phòng Thư viện: 01 phòng: 50 m<sup>2</sup>
- Phòng y tế: 01 phòng 24 m<sup>2</sup>
- + Phòng văn thư – kế toán – Công đoàn: 01 phòng 24 m<sup>2</sup>
- Phòng họp Hội đồng: 01 phòng 45 m<sup>2</sup>
- + Phòng làm việc của tổ chuyên môn: 03 phòng 60 m<sup>2</sup> (TB 20 m<sup>2</sup>/phòng).
- + Phòng hiệu trưởng: 01 phòng 18 m<sup>2</sup>
- + Phòng phó hiệu trưởng: 01 phòng 18 m<sup>2</sup>
- + Phòng TPT Đội: 01 phòng 18 m<sup>2</sup>
- + Phòng truyền thống: 01 phòng 36 m<sup>2</sup>
- + Nhà đa năng: 190 m<sup>2</sup>

- Trang thiết bị dạy học: Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và làm việc thường xuyên được kiểm tra rà soát định kỳ, nhà trường quan tâm đầu tư sửa chữa trang thiết bị dạy học.

+ Thực hiện xây dựng kế hoạch mua sắm, tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất theo nhu cầu thực tế.

+ Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ vào tháng 01 hàng năm, kế hoạch tài chính nhằm quản lý đúng nguyên tắc các nguồn tài chính trong đơn vị trong việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất.

+ Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động hợp pháp khác từ công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động giáo dục.

#### **4. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu:**

##### **a. Điểm mạnh.**

\* Về học sinh

Đa số học sinh ngoan, có ý thức học tập, kết quả của năm học 2020-2021 tỷ lệ học sinh có phẩm chất tốt chiếm 72,4%; còn lại là đạt; học sinh xếp loại đạt về năng lực học tập, lực chiếm tỷ lệ 98,3% trong đó xếp loại tốt chiếm 10,3%.

Học sinh đạt giải trong các kỳ thi cấp huyện, cấp tỉnh trong những năm gần đây luôn ổn định và nâng cao. Chỉ tính trong năm học 2020-2021 nhà trường có 59 giải cấp huyện (14 giải các môn văn hóa lớp 9; 20 giải Olympic các môn VH lớp 6,7,8; 2 giải giải toán bằng MTCT, 2 giải nhì cuộc thi KHKT cấp huyện; 03 giải thi STTTN cấp huyện; 16 giải HKPD cấp huyện), Có 11 giải cấp tỉnh (6 giải các môn VH lớp 9; 2 giải KK giải toán bằng MTCT, 3 giải HKPD cấp tỉnh). Nhà trường có sản phẩm tham gia cuộc thi STTTN cấp tỉnh.

- Số HS được chuyển lớp sau kiểm tra lại: 268/269 (99,6%); 1 HS lưu ban .

- Số HS tốt nghiệp THCS 90/90 (100%). Trong đó có 5 HS không hoàn thành chương trình nhưng là đối tượng ưu tiên nên đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học: 2/359 (0,6%).

Chất lượng 2 mặt GD của nhà trường tiếp tục được duy trì ổn định so với năm trước, đảm bảo chất lượng của trường đạt chuẩn Quốc gia.

*\* Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên:*

Đội ngũ CBQL có năng lực, trình độ đáp ứng chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, đội ngũ giáo viên đủ về số lượng (đạt 1,92 GV/ lớp), GV đạt chuẩn về trình độ đào tạo chiếm tỷ lệ 92% (còn 2 GV có trình độ CĐ đang đi học nâng chuẩn), đội ngũ nhân viên cơ bản đủ về cơ cấu, đáp ứng được yêu cầu.

100% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (GV THCS hạng II) trong năm học có 26 người. Có 3 người tham gia bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (GV THCS hạng I) chiếm tỷ lệ 11,5%.

Số viên chức trở lên giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm có 3 người đạt tỷ lệ 9,7%. Trong năm có 01 CBQL đạt trình độ Thạc sĩ QLGD, 02 GV đang học Đại học; 1 giáo viên thuộc diện quy hoạch học trung cấp lý luận chính trị .

GVDG các cấp: GVDG cấp tỉnh 3/24 (12,5%); GVDG cấp huyện 8/24 (33,3%), GVDG cấp trường 20/24 (83,3%).

Cơ cấu độ tuổi đội ngũ CBGV-NV: dưới 35 tuổi: 3 (9,8%); Từ 35- dưới 45 tuổi: 22 (71%), Trên 45 tuổi: 4 (12,9%), Có 1 GV trên 50 tuổi.

Số đảng viên trong nhà trường là 16 đảng viên chiếm tỷ lệ 52%.

Công tác quản lý của nhà trường từ Ban giám hiệu đến tổ, nhóm chuyên môn, các tổ chức đoàn thể luôn có sự thống nhất chung, có kế hoạch cụ thể theo từng tháng, tuần, được tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời theo từng giai đoạn. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, tính công khai minh bạch được thể hiện rõ qua từng hoạt động.

Tập thể giáo viên nhà trường nhiệt tình, tâm huyết với nghề, nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua các cấp; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, trường đã có trang Website riêng, các thông

tin của trường luôn được cập nhật trên trang Website riêng của trường. Đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên nhiệt tình, 100% có trình độ chuyên môn đạt chuẩn của cấp học và yêu cầu công việc; đa số đội ngũ giáo viên có kỹ năng sư phạm và nghiệp vụ tay nghề tương đối tốt.

*\* Về cơ sở vật chất*

Nhà trường có diện tích rộng, cơ sở vật chất đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia mức độ 3. Đủ phòng học 1 ca, đủ các phòng chức năng, khối phòng quản trị hành chính và khối công trình phục vụ học tập (sân bóng cỏ nhân tạo, nhà thi đấu, thư viện...) đáp ứng yêu cầu. Hệ thống tường bao, lán để xe của giáo viên và học sinh đủ chỗ để xe.

Trang thiết bị dạy và học cơ bản đáp ứng yêu cầu, các phòng học, phòng chức năng đều có máy chiếu.

Có 03 nhà vệ sinh (1 nhà vệ sinh dành cho CBGV-NV; 2 nhà vệ sinh dành cho HS, có khu vệ sinh nam, nữ riêng) đạt 30 HS/ chỗ vệ sinh. Hệ thống nước sạch đảm bảo phục vụ cho nhu cầu của nhà trường.

**b. Điểm yếu.**

*\* Về học sinh*

Qua số liệu có thể thấy tỷ lệ học sinh nữ chiếm 43% chênh lệch so với học sinh nam; Tỷ lệ học sinh dân tộc chiếm 65% chiếm đa số, toàn bộ là dân tộc Thái; Học sinh thuộc diện chính sách chiếm tỷ lệ khá cao là 28,4%.

Hàng năm vẫn còn tỷ lệ học sinh thi lại chiếm 3-5%; vẫn còn học sinh lưu ban, vẫn còn tình trạng học sinh chưa chuyên cần, học sinh bỏ học.

*\* Về đội ngũ CBQL, GV, NV*

Hiện tại nhà trường còn thiếu về cơ cấu GV một số môn như môn TD chỉ có 1 GV/12 lớp, chưa có GV môn Công nghệ, GD&ĐT. Nhân viên còn thiếu nhân viên Y tế. Chưa có GV được đào tạo công tác Đoàn đội (*hiện tại do GV Sư - Địa đảm nhiệm*).

Đội ngũ giáo viên cốt cán ở các bộ môn còn mỏng, chưa bồi dưỡng được nhiều giáo viên có tay nghề cao để đáp ứng với yêu cầu thực tế nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, số giáo viên giỏi huyện, tỉnh trong những năm qua chưa tương xứng với thực lực đội ngũ; phân công tác giảng dạy còn có những bất cập do đội ngũ thừa thiếu cục bộ.

Một số ít giáo viên tiếp cận, ứng dụng CNTT, ứng dụng các phần mềm trong giảng dạy, soạn thảo văn bản còn hạn chế; chất lượng đội ngũ chưa thực sự đều tay, còn một số giáo viên còn hạn chế trong công tác bồi dưỡng HSG, HS năng khiếu.

*\* Về cơ sở vật chất*

Hệ thống phòng học, phòng chức năng được xây dựng cách đây gần 20 năm hiện đã xuống cấp, đặc biệt 2 dãy nhà cấp 4 chưa đảm bảo an toàn, dãy nhà 2 tầng xây

dụng từ năm 2006 đến nay nền nhà lún, bong gạch, hệ thống cửa gỗ bị mục. Sân trường bê tông xuống cấp bong tróc ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động.

Khôi công trình vệ sinh hiện đã xuống cấp, một số hố vệ sinh bị tắc chưa khắc phục được, nhà vệ sinh giáo viên còn là nhà tạm.

Thiết bị dạy học được trang cấp đã lâu nên nhiều thiết bị không sử dụng được, hóa chất hết hạn sử dụng, một số máy chiếu không sử dụng được. Đặc biệt máy tính phục vụ cho học tập môn tin thiếu và chất lượng không đảm bảo (hiện phòng học tin học nhà trường chỉ có 9 máy/359 HS, trung bình 40 HS/ máy. Do máy đã được trang cấp từ lâu, cấu hình thấp nên không sử dụng được các phần mềm mới theo yêu cầu của chương trình tin học). Hiện tại nhà trường chỉ có 1 máy photo đã được trang cấp từ lâu, thường xuyên hỏng, khó khăn trong vận hành.

## **1.2. Môi trường bên ngoài**

### **a - Tình hình chung địa phương**

Noong Luống là một xã nằm ở vị trí cuối lòng chảo Điện Biên, xa trung tâm huyện. Xã có 2 dân tộc (dân tộc Kinh và dân tộc Thái) cùng chung sống; đời sống nhân dân dựa vào sản xuất nông nghiệp là chủ yếu; trình độ dân trí không đồng đều.

Toàn xã có 1480 hộ 5941 nhân khẩu, trong đó dân tộc Kinh 649 hộ chiếm tỷ lệ 43,9% , dân tộc Thái 831 hộ chiếm tỷ lệ 56,1%; Xã có 6 thôn bản đặc biệt khó khăn, toàn xã có 186 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 12,7%, 154 hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 10,4%.

Trong những năm vừa qua Đảng ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn đã quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Hiện tại có 3/3 trường trên địa bàn đã đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp đạt cao, xã đạt chuẩn phổ cập GDMNTNT, đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3, đạt chuẩn XMC mức độ 2 và đạt chuẩn phổ cập GDTHCS mức độ 3. Công tác XHH giáo dục trên địa bàn đã có nhiều chuyển biến tích cực. Xã đạt chuẩn quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

### **b. Cơ hội**

Noong Luống là một địa bàn có truyền thống hiếu học, đời sống kinh tế xã hội của nhân dân trên địa bàn đang có những bước phát triển và chuyển mình mạnh mẽ. Cấp ủy chính quyền quan tâm đến công tác giáo dục, Hội đồng giáo dục xã, Hội khuyến học, Ban đại diện CMHS hoạt động có hiệu quả hỗ trợ đắc lực cho công tác giáo dục của nhà trường.

Đời sống nhân dân ngày càng được củng cố và nâng cao, ý thức trách nhiệm của nhân dân đối với con em đã có chuyển biến tích cực.

Xã đã đạt chuẩn Quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2018. Nên trong năm học cũng có cơ hội được hỗ trợ đầu tư, đặc biệt về cơ sở vật chất, đời sống tinh thần của nhân dân được quan tâm, từ đó nhận thức của nhân dân đối với công tác giáo dục sẽ được nâng lên.

### c. Thách thức:

Văn hóa - xã hội chưa phát triển, hầu hết thanh niên không có tụ điểm để vui chơi, sinh hoạt. Một số tổ chức, đoàn thể không thu hút được lực lượng quần chúng tham gia...;

Công tác hướng nghiệp, thực hiện phân luồng học sinh sau THCS, THPT thực hiện chưa đạt hiệu quả, còn hạn chế và bất cập; tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT đi học nghề còn thấp. Tình trạng sinh viên ra trường không có việc làm, học sinh học xong THPT không tìm được việc làm phù hợp đã tác động không nhỏ đến tư tưởng của phụ huynh và học sinh, dẫn đến tình trạng phụ huynh cho con bỏ học đi làm.

Xã cũng là địa bàn còn phức tạp về tình trạng buôn bán, sử dụng các chất ma túy, các tệ nạn xã hội ngày càng nhiều, một phần ảnh hưởng tiêu cực từ các mạng xã hội dẫn đến đạo đức của một bộ phận thanh thiếu niên sa sút ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giáo dục. Một số gia đình chưa quan tâm đến việc phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục, con phó mặc cho nhà trường.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hạn hán, mưa lũ dẫn đến lao động mất việc làm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giáo dục.

## II. Đánh giá những mặt đạt được và những mặt chưa đạt được trong thực hiện chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2015 - 2020.

### 1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

TT	Mục tiêu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số lớp	11	11	12	10	11
2	Tổng số HS	343	333	341	335	338
3	Tuyển sinh lớp 6	83/83 (100%)	83/84 (98,8%)	91/92 (98,9%)	96/96 (100%)	88/88 (100%)
4	Học sinh bỏ học	2 (0,6%)	3 (0,9%)	2 (0,6%)	1 (0,3%)	2 (0,6%)
<b>5</b>	<b>Chất lượng GD</b>					
5.1	<i>XL về học tập, năng lực (Học lực TB trở lên)</i>	340/343 (99,1%)	324/330 (98,2%)	336/340 (98,8%)	329/332 (99,1%)	336/337 (99,7%)



<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Năm học 2015-2016</b>	<b>Năm học 2016-2017</b>	<b>Năm học 2017-2018</b>	<b>Năm học 2018-2019</b>	<b>Năm học 2019-2020</b>
5.3	<i>XL về phẩm chất (Hạnh kiểm TB trở lên)</i>	343/343 (100%)	330/330 (100%)	340/340 (100%)	332/332 (100%)	336/337 (99,7%)
5.4	<i>Học sinh lưu ban</i>	3/340 (0,87%)	6/330 (1,8%)	4/340 (1,2%)	3/332 (0,9%)	1/337 (0,3%)
5.5	<i>Tốt nghiệp lớp 9</i>	86/87 (98,9%)	68/68 (100%)	96/96 (100%)	78/78 (100%)	70/70 (100%)
<b>6</b>	<b>Số lượng HS đạt giải cấp Huyện.</b>					
6.1	<i>HSG VH lớp 9</i>	5	7	11	10	11
6.2	<i>Olimpic 6,7,8</i>	12	12	5 (6,7 không thi)	20	Không thi Do Covid
6.3	<i>MT cầm tay</i>	2	1	1	1	1
6.4	<i>KHKT</i>	1	0	0	1	1
6.5	<i>KHPĐ, giao lưu TDTT</i>	5	5	4	4	13
6.6	<i>Sáng tạo TTNND</i>	Không thi	Không thi	Không thi	2	3
6.7	<i>Tiếng anh, Toán internet</i>	1	5	0	0	0
<b>7</b>	<b>Số lượng HS đạt giải cấp Tỉnh.</b>					
7.1	<i>HSG VH lớp 9</i>	2	4	8	8	8
7.2	<i>MT cầm tay</i>	0	0	0	0	1
7.3	<i>KHKT</i>	0	0	0	0	1
7.4	<i>KHPĐ, giao lưu TDTT</i>	0	0	0	Không thi	Không thi
7.5	<i>Sáng tạo TTNND</i>	Không thi	Không thi	Không thi	0	0
7.6	<i>Tiếng anh, Toán internet</i>	1	2	Không thi	Không thi	Không thi
<b>8</b>	<b>HS tốt nghiệp lớp 9</b>	86	68	96	78	70
8.1	<i>Vào học lớp 10</i>	69 (80,2%)	57 (85%)	83 (86,5%)	66 (84,6%)	60 (85,7%)
8.2	<i>Học nghề...</i>	3	1	0	0	5
9	<b>Tổng số CBGV-NV</b>	31	31	31	29	28

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Năm học 2015-2016</b>	<b>Năm học 2016-2017</b>	<b>Năm học 2017-2018</b>	<b>Năm học 2018-2019</b>	<b>Năm học 2019-2020</b>
9.1	<i>Tổng số CBQL</i>	2	2	2	2	2
9.2	<i>Tổng số GV</i>	26	26	26	24	23
9.3	<i>Tổng số NV</i>	3	3	3	3	3
9.4	<i>Tỷ lệ GV/lớp</i>	2,27	2,27	2,08	2,3	2,0
<b>10</b>	<b>Trình độ đào tạo CBQL, GV</b>					
10.1	Trình độ thạc sĩ	0	0	0	0	1
10.2	Đạt chuẩn (đại học)	24 (85,7%)	24 (85,7%)	24 (85,7%)	24 (92,3%)	23 (92%)
10.3	Chưa đạt chuẩn	4 (14,3%)	4 (14,3%)	4 (14,3%)	2 (7,8%)	2 (8%)
11	Đạt GVDG cấp trường	23/26 (88,4%)	22/26 (84,6%)	21/26 (80,8%)	22/24 (91,6%)	21/25 (84%)
12	Đạt GVDG cấp Huyện	6/26 (21,4%)	7/26 (26,9%)	7/26 (26,9%)	Không thi	Không thi
13	Đạt GVDG cấp Tỉnh	1/26 (3,8%)	1/26 (3,8%)	1/26 (3,8%)	3/24 (12,5%)	3/25 (12%)
<b>15</b>	<b>CBQL, GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp</b>					
15.1	<i>Loại tốt</i>	19 (70,4%)	19 (73,1%)	18 (69,2%)	0	4/23 (17,4%)
15.2	<i>Loại Khá</i>	07 (25,9%)	04 (15,4%)	07 (26,9%)	20/24 (83,3%)	18/23 (78,3%)
15.3	<i>Loại Đạt</i>	01 (3,7%)	02 (7,7%)	01 (3,8%)	3/24 (12,5%)	1/23 (4,3%)
15.4	<i>Loại chưa đạt</i>	0	0	0	01	0
<b>16</b>	<b>Thi đua cá nhân</b>					
16.1	<i>Lao động tiên tiến</i>	29/31 (93,5%)	28/31 (90,3%)	28/31 (90,3%)	25/29 (86,2%)	25/28 (89,3%)
16.2	<i>Chiến sĩ thi đua</i>	3/31 (9,7%)	2/31 (9,4%)	2/31 (9,4%)	2/28 (9,4%)	3/28 (10,7%)
<b>17</b>	<b>Thi đua tập thể</b>					
17.1	Tập thể xuất sắc (tỉnh)	Không đạt	x	x	x	x

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Năm học 2015-2016</b>	<b>Năm học 2016-2017</b>	<b>Năm học 2017-2018</b>	<b>Năm học 2018-2019</b>	<b>Năm học 2019-2020</b>
17.2	Tập thể tiên tiến (huyện)	x	x	x	x	x
18	Xếp loại Liên đội	LĐM	LĐM	LĐM	LĐM	LĐM
19	Xếp loại Công đoàn	CĐCS VM	CĐCS VM	CĐCS VM	CĐCS VM	CĐCS VM
20	Xếp loại chi bộ	TSCM	TSCM	TSCM	TSCM	TSCM
21	Khen thưởng	Giấy khen UBND huyện	Giấy khen UBND huyện	Giấy khen UBND huyện	Bảng khen của UBND tỉnh	Giấy khen UBND huyện
22	Xã hội hóa GD (triệu đ)	173,4	131,5	159,5	206,8	177,5
22.1	Quyên góp, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân.	113,4	71,5	53,5	86,8	58
22.2	Huy động từ CMHS theo thỏa thuận.	60	62	104	120	119,5

## **2. Mặt đạt được:**

Cán bộ quản lý luôn đoàn kết, chỉ đạo điều hành các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ hiệu quả. Phát huy tốt dân chủ trong trường học. Được sự tin tưởng quý mến của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Đội ngũ giáo viên là một tập thể đoàn kết nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm yêu nghề gắn bó với nhà trường; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập tạo được những thành tích nhất định, bước đầu tạo dựng được uy tín trong ngành.

Nề nếp – kỷ cương của nhà trường được giữ vững và phát huy, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức đều đặn và ngày càng phong phú.

Chất lượng dạy học được giữ vững và tương đối ổn định.

### **\* Nguyên nhân khách quan:**

Nhà trường luôn được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo quận, địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác xây dựng đội ngũ của nhà trường.

Xã hội phát triển đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

### **\* Nguyên nhân chủ quan:**

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên về năng lực và phẩm chất.

Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường nhiệt tình, tích cực trong công tác xây dựng động cơ, thái độ học tập và nề nếp, kỉ luật của học sinh.

Tập thể nhà trường luôn có ý thức và trách nhiệm trong phong trào xây dựng môi trường thân thiện – học sinh tích cực và công tác giáo dục đạo đức, kỉ luật cho học sinh.

## **2. Mặt chưa đạt được:**

Chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều; một bộ phận giáo viên lớn tuổi chưa quen với phương pháp tư duy, giảng dạy mới; số giáo viên trẻ cần được bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao trình độ.

Chất lượng học sinh giỏi bộ môn còn thấp hơn so với mặt bằng chung của huyện.

Sự quan tâm của phụ huynh học sinh đối với việc học của học sinh chưa cao. Môi trường xã hội còn nhiều phức tạp ảnh hưởng đến việc phát triển nhân cách cho học sinh.

## **3. Các vấn đề ưu tiên cần giải quyết trong giai đoạn tiếp theo.**

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CB – GV – NV đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và sự phát triển GD&ĐT.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, công tác chuyên môn, cải cách thủ tục hành chính, từng bước xây dựng mô hình trường học thông minh.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh.

- Tiếp tục khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục.

- Hoàn thiện Quy chế đánh giá xếp loại thi đua, tăng cường áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

- Chú trọng giáo dục rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh, tổ chức nhiều hoạt động dạy học, giáo dục và giao lưu để các em có khả năng thích ứng với môi trường.

- Đẩy mạnh việc giáo dục tuyên truyền đạo đức pháp luật cho học sinh không để xảy ra hiện tượng bạo lực học đường.

## **B/ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

### **I. SỨ MỆNH – TÂM NHÌN – GIÁ TRỊ - PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG**

#### **1. Sứ mệnh**

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt. Nhà trường sẽ là người bạn đồng hành để mỗi ngày học, mỗi ngày sống là một ngày hạnh phúc của từng học sinh và gia đình các em.

#### **2. Tâm nhìn**

Đến năm 2030 Trường THCS xã Noong Luống phấn đấu là một trường có chất lượng giáo dục tốp đầu của tỉnh Điện Biên, có cơ sở vật chất cơ bản hiện đại theo mô hình trường học thông minh. Giáo dục học sinh có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, có nhân cách và trí tuệ thời đại, có khả năng hội nhập và thích ứng nhanh.

#### **3. Giá trị cốt lõi**

**Trí tuệ:** là một năng lực quan trọng góp phần làm nên truyền thống dạy giỏi của thầy và học giỏi của trò. Ý thức được trí tuệ như ngọc, muốn sáng phải mài, thầy và trò trường đã, đang và sẽ không ngừng trau dồi, rèn trí, luyện tài.

**Nhân văn:** là giá trị mà các thế hệ giáo viên và học sinh nhà trường luôn vun đắp, gìn giữ. Sống nghĩa tình, ứng xử với mọi người và môi trường xung quanh bằng tinh thần hướng thiện và hướng thượng là bài học nền tảng cũng là hành trang mỗi học sinh mang theo để hoàn thiện bản thân và kết nối với cộng đồng.

**Trách nhiệm:** là phẩm chất được nhà trường luôn có ý thức giáo dục học sinh để các em không chỉ có trách nhiệm với bản thân, với người thân mà còn sống có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt, học sinh trường THCS xã Noong Luống còn được giáo dục về trách nhiệm thông qua kết nối, hội tụ, lan toả giữa các thế hệ thầy trò để mái trường trở thành mái nhà chung, luôn làm ấm lòng mọi thành viên, không chia người gần người xa, người già người trẻ.

**Tự tôn:** Tôn trọng chính mình là cơ sở để mỗi người tự giác, nỗ lực không ngừng trong giảng dạy và học tập, để khẳng định, giữ gìn giá trị bản thân, góp phần gìn giữ hình ảnh và giá trị ngôi trường. Tôn trọng chính mình là động lực để tạo ra sự khác biệt và biết tôn trọng sự khác biệt.

**Sáng tạo:** là yêu cầu cần có ở mọi thành viên trường THCS xã Noong Luống. Với vai trò tiên phong trong công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục, giáo viên và học sinh nhà trường luôn phải vượt lên chính mình, tự làm mới chính mình để thực hiện sứ mệnh tiếp nối và phát triển. Vì vậy, mọi thành viên của trường đều nhận thức rõ sáng tạo là yêu cầu tiên quyết để tạo ra các giá trị, đều được tạo điều kiện tối đa để tự chủ và sáng tạo trong công việc.

#### **4. Phương châm hành động**

*“ Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường*

*Tư duy giáo dục luôn thay đổi theo nhu cầu xã hội”*

## **II. MỤC TIÊU CHUNG**

### **1. Căn cứ xác định mục tiêu**

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên khóa XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Điện Biên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Noong Luống khóa XXI, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Kế hoạch số 345/KH-BGDĐT ngày 23/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”.

Kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh Điện Biên, Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2016-2015 định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch số 2114/KH-SGDĐT ngày 20/9/2017 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên, Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và Đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

### **2. Mục tiêu chung**

2.1 - Nâng cao chất lượng đội ngũ CB – GV – NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ mới đáp ứng với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2021-2022.

2.2 - Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Chất lượng giáo dục được khẳng định trong tập những trường có chất lượng cao của huyện.

2.3 - Huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường. Tham mưu với các cấp hoàn thiện, bổ sung cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy, trang thiết bị dạy học hiện đại theo định hướng mô hình trường học thông minh.

2.4 - Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương và đất nước. Trường đứng trong top đầu về chất lượng giáo dục của tỉnh Điện Biên.

2.5 –Trường được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, được tái công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Hàng năm Chi bộ và các tổ chức đoàn thể phấn đấu đạt trong sạch, vững mạnh.

### III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

#### 1. Phát triển quy mô trường lớp.

Hàng năm huy động tối đa số trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99% trở lên. Duy trì số lượng hàng năm đạt 99% trở lên.

Hàng năm duy trì 70% học sinh trở lên tham gia học lớp 2 buổi/ ngày.

Dự báo quy mô số lớp, số học sinh giai đoạn 2021-2030:

Năm học	Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9		TS	TS
	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	lớp	HS
2021-2022	2	77	3	96	3	87	3	86	11	346
2022-2023	2	82	2	77	3	96	3	87	10	342
2023-2024	3	105	2	82	2	77	3	96	10	360
2024-2025	3	103	3	105	2	82	2	77	10	367
2025-2026	3	103	3	103	3	105	2	82	11	393
2026-2027	3	118	3	103	3	103	3	105	12	429
2027-2028	3	101	3	118	3	103	3	103	12	425
2028-2029	3	96	3	101	3	118	3	103	12	418
2029-2030	3	97	3	96	3	101	3	118	12	412
2030-2031	3	100	3	97	3	96	3	101	12	394

#### 2. Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

Dự báo nhu cầu:

TT	Loại hình	Số lượng hiện có 2020-2021	Nhu cầu				
			2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
	Số lớp	12	11	10	10	10	11
I	Cán bộ QL	2	2	2	2	2	2
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	1
2	Phó H. trưởng	1	1	1	1	1	1
II	Giáo viên:	24	22	20	20	20	22
		(1.9)	(1.9)	(1.9)	(1.9)	(1.9)	(1.9)
1	Toán - Lý	5	5	4	4	4	5

TT	Loại hình	Số lượng hiện có 2020-2021	Nhu cầu				
			2021 -2022	2022 -2023	2023 -2024	2024 -2025	2025 -2026
2	Văn - Sử - GDCD	6	5	4	4	4	5
3	Sinh - Hoá - Địa	6	4	4	4	4	4
4	Ngoại ngữ	2	2	2	2	2	2
5	Thể dục	1	1	1	1	1	1
6	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1
7	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1
8	Công nghệ	0	1	1	1	1	1
9	Tin học	1	1	1	1	1	1
10	Đoàn Đội	1	1	1	1	1	1
<b>III</b>	<b>Nhân viên:</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
1	Kế toán	1	1	1	1	1	1
2	Văn Thư – T.quỹ	1	1	1	1	1	1
3	Thư viện – T.Bị	1	1	1	1	1	1
4	Nhân viên Y tế	0	1	1	1	1	1
5	Bảo vệ (HĐ 68)	1	1	1	1	1	1
6	Phục vụ (HĐ 68)	1	1	1	1	1	1
<b>Tổng</b>		<b>31</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>30</b>

#### IV. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

**1. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh**

##### **1.1. Thực hiện kế hoạch giảng dạy**

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục. Tổ chức giảng dạy đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình; xây dựng kế hoạch và các biện pháp chuyên môn gắn với yêu cầu thực hiện hiệu quả các cuộc vận động lớn của Đảng, của Nhà nước và của ngành.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng việc trải nghiệm sáng tạo nhằm phát triển năng lực học sinh, làm tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.

- Tăng cường kiểm tra giải quyết kịp thời các khó khăn về chuyên môn. Đảm bảo mỗi giáo viên đều có nhận thức đầy đủ về mục tiêu và yêu cầu trọng tâm các bài dạy và chương trình môn học.



- Phổ cập giáo dục và hoàn thành phổ cập bậc trung học và định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Thực hiện tốt nền nếp kỷ cương, tăng cường môi trường sư phạm, giáo dục thái độ, hành vi ứng xử thân thiện trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, học sinh.

## **1.2. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh**

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học với các hoạt động liên quan như xây dựng đội ngũ giáo viên, tăng cường CSVC, thiết bị dạy học. Tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học thông qua bồi dưỡng giáo viên, xác định trọng tâm bài giảng, chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình, dự giờ trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, tổ chức hội thảo cấp trường, và cấp huyện.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học. Học sinh phải hiểu bài, biết tổng hợp kiến thức và có thể biểu đạt chính kiến của bản thân khi làm bài. Thực hiện tốt việc chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo về chương trình, kiểm tra đánh giá.  
- Tích cực đổi mới nội dung phương pháp giáo dục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học, xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, giảng dạy có chất lượng theo đúng chương trình và sách giáo khoa theo quy định. Tổ chức tốt công tác kiểm tra, thực hiện tốt quy chế chuyên môn trong việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại, xét Tốt nghiệp THCS cho học sinh cuối cấp.

## **2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường, nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ.**

### **2.1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường**

- Xây dựng quy chế làm việc, nội quy cơ quan, quy chế dân chủ, tổ chức bộ máy, quy chế chi tiêu nội bộ... Dựa trên đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các văn bản có liên quan.

- Mạnh dạn đầu tư cho các hoạt động giáo dục có nội dung mới, mang tính đột phá.

- Duy trì tốt các hoạt động nền nếp, kỷ cương mang tính truyền thống.

### **2.2. Nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ**

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản; có phong cách sư phạm mẫu mực; đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có nhu cầu tiếp tục học nâng cao trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy định. Quan tâm việc xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn và kết nạp đảng viên mới.

- Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng và nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

### **3. Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học**

- Duy tu, bảo dưỡng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; bổ sung thường xuyên đồ dùng dạy học và trang thiết bị cần thiết phục vụ cho giảng dạy .

- Xây dựng cảnh quan nhà trường đảm bảo môi trường " *Xanh – sạch – đẹp* " .

- Tham mưu với các cấp các ngành đầu tư xây dựng bổ sung cơ sở vật chất phù hợp với quy mô phát triển của nhà trường theo từng giai đoạn.

### **4. Nâng cao chất lượng quản lý toàn diện nhà trường**

- Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng nguồn học liệu điện tử, thư viện điện tử... góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học.

- Xây dựng hệ thống quản lý và liên kết thông tin đồng bộ trong nhà trường, đảm bảo hiệu quả quản lý hành chính.

- Sử dụng các phần mềm phục vụ công tác quản lý như: Phần mềm quản lý hồ sơ điện tử công chức viên chức trực tuyến của Sở Nội vụ, phần mềm quản lý cán bộ, viên chức ngành giáo dục PMIS, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, phần mềm quản lý học sinh, phần mềm quản lý thư viện...

## **5. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục, huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong giáo dục**

### **5.1. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục**

- Xây dựng nhà trường luôn là một trong những trung tâm văn hóa của địa phương; tổ chức triển khai thực hiện tốt các Quy chế, Quy định của ngành, nhất là thực hiện Quy chế dân chủ trong đơn vị. Phối hợp với các đoàn thể chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo đúng quy định của pháp luật.

### **5.2. Huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục**

- Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc các hoạt động khuyến học khuyến tài và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm phát triển hoạt động giáo dục nhà trường.

### **5.3. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong hoạt động giáo dục**

- Xây dựng mối quan hệ gắn bó, chặt chẽ với Ban Đại diện cha mẹ học sinh theo đúng Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh đã được ban hành.
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác với các ban ngành đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân địa phương trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.
- Thường xuyên lắng nghe, tiếp thu các ý kiến đóng góp, xây dựng của cộng đồng trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tiễn của đơn vị.
- Tăng cường các hoạt động giao lưu trong hoạt động giáo dục với các đơn vị bạn và địa phương.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng**

- Xây dựng chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra trong từng thời gian cụ thể.
- Tổ chức triển khai kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, cùng Ban chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ.
- Cụ thể hóa chiến lược phát triển nhà trường trong kế hoạch từng năm học và chỉ đạo thực hiện.

### **2. Trách nhiệm của tổ chuyên môn và các bộ phận trong nhà trường**

- Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo tuần, tháng, năm và từng đợt thi đua.
- Tham mưu việc phân công lao động hợp lý dựa trên nguồn lực, khả năng và trách nhiệm của từng thành viên.
- Kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học của các thành viên. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.
- Trong quá trình thực hiện cần thường xuyên kiểm tra, đóng góp ý kiến với lãnh đạo nhà trường để có giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công việc.

### **3. Trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, nhân viên**

- Thực hiện kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch chung của nhà trường.
- Không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phấn đấu trở thành giáo viên, nhân viên giỏi là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo cho học sinh noi theo.

- Phát huy tinh thần vượt khó vươn lên, luôn có khát vọng được đóng góp sức mình vào sự phát triển của nhà trường.

#### **4. Trách nhiệm của học sinh**

- Ra sức học tập, rèn luyện bản thân vượt khó, vươn lên trong học tập và cuộc sống.

- Tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, rèn kỹ năng sống để sau này ra trường có vốn sống cần thiết cho mình và là người công dân tốt.

#### **5. Trách nhiệm của ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh học sinh**

- Phối hợp với nhà trường, giáo dục, bồi dưỡng cho học sinh các giá trị cơ bản trong hệ thống các giá trị trong chiến lược đã vạch ra.

- Luôn có những ý kiến tham mưu, đóng góp về tinh thần và vật chất, giúp đỡ và ủng hộ nhà trường về mọi mặt. Cùng nhà trường hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của chiến lược.

Trên đây là kế hoạch “Chiến lược phát triển trường THCS xã Noong Luống giai đoạn 2021 -2025 và tầm nhìn đến 2030”. Kế hoạch chiến lược nhằm định hướng cho quá trình xây dựng và phát triển nhà trường trong thời gian 5 năm tới, giúp cho nhà trường có sự điều chỉnh hợp lý trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Kế hoạch chiến lược nhằm thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong giảng dạy và học tập, xây dựng nhà trường ngày một vững mạnh để xứng đáng với niềm tin của nhân dân và xã hội, đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu đổi mới giáo dục của đất nước./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Duy Quảng**

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỞNG PHÒNG**